

Số: 325/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 333/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Đỗ Phi H**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Số A đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**;

2. Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Số A đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường V, thành phố H vào ngày 18/9/1995. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống số 01 **đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Ông **Đỗ Phi H**, bà **Ngô Thị C** xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** xác nhận có 02 con chung tên là **Đỗ Ngô Quốc H1**, sinh ngày 02/6/1996 và **Đỗ Huy H2**, sinh ngày 02/01/2004. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông **Đỗ Phi H**, bà **Ngô Thị C** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 5 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C**.

- Về con chung: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** xác nhận có 02 con chung tên là **Đỗ Ngô Quốc H1**, sinh ngày 02/6/1996 và **Đỗ Huy H2**, sinh ngày 02/01/2004. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà ông **Đỗ Phi H** và bà **Ngô Thị C** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003469 ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế (Ông Hà, bà Cường ĐKKH số: 56, quyền số 05 ngày 18/9/1995);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan